

DEVELOPING ECONOMIC MODELS ASSOCIATED WITH FOREST MANAGEMENT AND PROTECTION FOR THE BA NA PEOPLE IN SON LANG COMMUNE, KBANG DISTRICT, GIA LAI PROVINCE

Pham Thi Kim Cuong^a
Giang Van Trong^b; Tran Thi Thanh Huong^c

Vietnam Academy for Ethnic Minorities; Email: cuongptk@hvd.edu.vn

Vietnam National University, Hanoi; Email: giangvantrong@gmail.com

Vietnam - Russia Tropical Center; Email: thanhhuongfuv@gmail.com

Received: 06/3/2025; Reviewed: 17/3/2025; Revised: 19/3/2025; Accepted: 25/3/2025; Released: 28/4/2025

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/452>

Developing economic models associated with forest management and protection has been a matter of concern for many years, especially in the Central Highlands region. Our research conducted in the Ba Na community in Son Lang commune, Kbang district, Gia Lai province shows that building and developing economic models associated with forest management and protection is not only the direction of the State, local authorities and forest management agencies, but also the earnest desire of local people. Through a survey of existing forest-related economic models in Son Lang commune, based on analysis of secondary data and discussions with stakeholders from local authorities, forest management agencies and local people. This article analyzes economic development models associated with forests, thereby providing some discussion ideas to supplement, improve and develop economic models associated with forest management and protection for the Ba Na ethnic group living in the area.

Keywords: *Forest economy; Sustainable forest development; Sustainable Livelihood; Ba Na ethnic group.*

1. Đặt vấn đề

Rừng và QLBRV luôn là vấn đề nóng bỏng trong nhiều năm qua. Đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS), nhất là ở Tây Nguyên. Trong đó, việc xây dựng các mô hình phát triển kinh tế gắn với công tác QLBRV là vấn đề quan trọng được nhiều người quan tâm.

Xã Sơn Lang (huyện Kbang, tỉnh Gia Lai) là địa bàn cư trú lâu năm của cộng đồng người Ba Na. Từ trước đến nay, người Ba Na sinh sống chủ yếu dựa vào rừng. Nhưng từ khi việc quản lý rừng được giao lại cho các cơ quan nhà nước, bao gồm các công ty lâm nghiệp và khu bảo tồn thiên nhiên thì việc khai thác rừng của người dân cũng có nhiều thay đổi. Lệnh cấm rừng và sự thắt chặt công tác quản lý rừng từ các cơ quan đã hạn chế việc người dân vào rừng kiếm sống làm cho quá trình chuyển đổi sinh kế của người dân cũng gặp nhiều khó khăn. Vậy nên, việc xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế gắn với QLBRV cho người Ba Na ở xã Sơn Lang trong bối cảnh hiện nay là rất cần thiết.

2. Tổng quan nghiên cứu

Ở Tây Nguyên, theo Dũng (2013) thì: “Đến đầu thế kỷ 20 việc nghiên cứu về tài nguyên thực vật rừng, đặc biệt là tài nguyên cây rau rừng mới rõ nét, trước tiên phải kể đến các nghiên cứu của

các tác giả người Pháp: M.H. Lecomte (1910), A. Chevalier (1918), H. Guibier (1926)... Trong các công trình này, song song với việc nghiên cứu, mô tả các kiểu thảm thực vật, các kiểu rừng, các loài cây thì các tác giả cũng ghi nhận giá trị sử dụng của chúng thông qua kinh nghiệm của người đồng bào, trong đó có rất nhiều tri thức về cây rừng làm rau ăn. Điều này cho thấy, việc nghiên cứu cây rau rừng phải dựa vào và bắt đầu từ những tri thức dân gian” (Dũng, 2013, tr.3).

Trong mấy năm gần đây, các nghiên cứu về Tây Nguyên cũng quan tâm nhiều đến việc khai thác các tri thức dân gian của cộng đồng bản địa trong việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên rừng vào việc phát triển kinh tế. Những nghiên cứu của Bình (2011), Đệ (2011), Dũng (2013), Cư (2015), Dư (2015), Thanh & cộng sự (2020)... là đi theo hướng này.

Sinh kế của người Ba Na ở xã Sơn Lang trước đây đã được một số học giả quan tâm. Nghiên cứu về cơ cấu sinh kế của người Ba Na ở xã Sơn Lang, Con (2001) thu nhập của người Ba Na ở đây có 52% đến từ canh tác nương rẫy, 28% đến từ nguồn khoán bảo vệ rừng và 20% đến từ các nguồn khác như làm chăn nuôi, thương mại, lương, phụ cấp...

Hải & cộng sự (2023, tr.80-86) trình bày một

cách có hệ thống về các sinh kế từ rừng của người Ba Na ở Tây Nguyên, trong đó nhấn mạnh đến canh tác nương rẫy và xem đây là sinh kế quan trọng nhất và cũng gắn liền với các hoạt động liên quan đến QLBR. Các tác giả này cho rằng người Ba Na ở Sơn Lang canh tác nương rẫy trong môi trường rừng lá rộng thường xanh theo một chu trình khép kín và tuân thủ một nông lịch chặt chẽ (Hải & cộng sự, 2003, tr.80-81). Dù xem nương rẫy là sinh kế quan trọng nhất của người Ba Na nhưng các tác giả cũng quan tâm đến các sinh kế khác: “Ngoài hoạt động nương rẫy, đồng bào Ba Na còn nhiều hoạt động xen kẽ nhằm khai thác tiềm năng sẵn có của hệ sinh thái rừng nhiệt đới nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ. Lịch hoạt động trong một năm của đồng bào Ba Na liên quan chặt chẽ với quá trình sinh trưởng của cây trồng theo một mùa rẫy với những lễ hội truyền thống” (Hải & cộng sự, 2003, tr.82).

Gần đây, các nhà dân tộc học quan tâm nhiều đến quá trình chuyển đổi sinh kế theo hướng thị trường hóa hay các mô hình phát triển kinh tế vừa xuất hiện ở vùng DTTS. Người Ba Na ở xã Sơn Lang cũng đang trong quá trình chuyển đổi sinh kế nhưng quá trình này ở họ chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm.

3. Phương pháp nghiên cứu

Xã Sơn Lang - địa bàn nghiên cứu chính được tiến hành khảo sát năm 2022 có 9 thôn/làng, trong đó có 6 thôn người Ba Na và 3 thôn người Kinh. Cả xã có 1193 hộ với 4572 nhân khẩu, trong đó 47% người Ba Na và 53% người Kinh cùng sinh sống với nhau. Diện tích tự nhiên là hơn 32.294 ha, trong đó đất rừng là hơn 28.880 ha thuộc sự quản lý của 4 công ty lâm nghiệp là Công ty lâm nghiệp Hà Nùng, Công ty lâm nghiệp Tràm Lập, Công ty lâm nghiệp Sơ Paí, Công ty lâm nghiệp Krông Pa, và Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như nghiên cứu các tài liệu thứ cấp, tham khảo các nghiên cứu của các học giả đi trước có liên quan đến vấn đề này, thu thập các tài liệu từ các cơ quan liên quan như các báo cáo của chính quyền địa phương, báo cáo của cơ quan liên quan. Quan trọng nhất là vận dụng phương pháp nghiên cứu điền dã dân tộc học.

Cụ thể, nhóm tác giả đã thực hiện 23 cuộc phỏng vấn sâu, 3 cuộc thảo luận nhóm và 2 cuộc tham vấn cộng đồng về các nội dung có liên quan đến việc xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế gắn với QLBR ở xã Sơn Lang. Trong phỏng vấn sâu, nghiên cứu tập trung vào nhiều đối tượng khác nhau như cán bộ địa phương, các chủ rừng hay các già làng, cán bộ thôn, người dân... Nội dung là tìm hiểu về quan điểm cũng như nguyện vọng của người dân trong việc xây dựng các mô hình kinh tế gắn với công tác QLBR hiện tại. Bên cạnh đó, còn tổ chức các cuộc thảo luận nhóm, tham vấn cộng đồng

để nhiều người cùng tham gia thảo luận những nội dung cụ thể nhằm đưa vấn đề đi sâu hơn và phát triển ra rộng hơn.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế từ rừng cho người Ba Na

* Phát triển kinh tế dược liệu

Rừng thường gắn với nhiều nguồn dược liệu khác nhau. Một số doanh nghiệp và chủ rừng cũng đã quan tâm đến vấn đề này. “*Đã có một vài công ty dược liệu đến đặt vấn đề hợp tác trồng cây dược liệu dưới tán rừng do công ty phụ trách bảo vệ nhưng chúng tôi chưa đồng ý vì chưa có hành lang pháp lý quy định về chuyện này. Hơn nữa, chúng tôi cũng chưa thể xác định được sự tác động của cây dược liệu mới đến hệ sinh thái rừng. Độ che phủ của rừng ở đây dày đặc nên việc đưa một cây dược liệu mới vào trồng sẽ ảnh hưởng mạnh đến toàn hệ sinh thái*”. (Nam, 45 tuổi, người Kinh, cán bộ quản lý công ty lâm nghiệp, phỏng vấn ngày 10/11/2022).

Để xây dựng một mô hình phát triển kinh tế dược liệu dựa vào cộng đồng địa phương gắn với quản lý, bảo vệ và khai thác rừng thì phải trải qua các công đoạn: 1). Xây dựng hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các chủ rừng có phương hướng để ký kết hợp tác, gắn kết với nhau. 2). Tiến hành khảo sát kỹ các nguồn dược liệu tự nhiên trong các khu rừng để xây dựng đề án phát triển kinh tế dược liệu của cả vùng. 3). Tiến hành nghiên cứu, sưu tầm các bài thuốc dân gian, các tri thức y dược học cổ truyền của người Ba Na trong vùng để làm cơ sở xây dựng sản phẩm chủ đạo cho kinh tế dược liệu. 4). Trao đổi với các công ty dược liệu để tiến hành hợp tác với nhau trong quá trình phát triển. 5). Tổ chức đánh giá tác động của các loại cây dược mới với hệ sinh thái rừng cả trước, trong và sau khi tiến hành trồng cây dược liệu. 6). Tham vấn cộng đồng để lựa chọn mô hình phát triển kinh tế dược liệu sao cho phù hợp.

Đối với cộng đồng người Ba Na ở Sơn Lang thì xây dựng dự án phát triển cộng đồng về kinh tế dược liệu gắn với bảo vệ và khai thác rừng là phù hợp hơn. Cần phải lựa chọn một loại dược liệu có giá trị và phù hợp với điều kiện tự nhiên. Chủ rừng đề ra một diện tích rừng cần thiết để thử nghiệm mô. Hợp tác với doanh nghiệp dược liệu về đầu ra và hướng dẫn kỹ thuật. Từ đó bắt đầu thử nghiệm với các hộ gia đình muốn tham gia nhất. Đưa họ đi tập huấn về kỹ thuật và cung cấp cây giống cho họ để họ trồng và chăm bón. Sau khi hoàn thành thì để người dân thu hoạch và bàn giao cho công ty dược liệu chế biến.

* Du lịch văn hóa

Người Ba Na ở Sơn Lang còn nhiều yếu tố văn hóa có giá trị để phát triển du lịch. Trang phục truyền thống vẫn còn phổ biến. Nhiều điệu múa điệu hát, nhất là văn hóa cồng chiêng còn được người dân

thực hành. Có nhiều món đặc sản ẩm thực như các món thịt nướng, món canh truyền thống hay các món ăn dân dã mang đậm bản sắc văn hóa cộng đồng Ba Na. Đặc biệt là món rượu cần rất ngon để phục vụ du khách. “*Em đi ra một số nơi và thấy họ phát triển du lịch một cách có hiệu quả. Có nhiều hoạt động có thể tạo ra thu nhập từ du lịch. Về quê mình em cũng thấy đẹp, có nhiều cái còn đẹp hơn, ngon hơn ở một số nơi nhưng lại chưa thể phát triển du lịch. Em nghĩ nếu được đầu tư phát triển du lịch thì sẽ có nhiều người tham gia. Nhưng để phát triển du lịch cần phải được hướng dẫn và giúp đỡ, chứ để người dân như tui em tự tìm đường làm thì không thể làm được*” (Nữ, 31 tuổi, người Ba Na, làng Điện Biên, phỏng vấn ngày 09/11/2022).

Để phát triển du lịch văn hóa thì cũng cần phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trước hết, cần phải lựa chọn một làng còn nhiều yếu tố văn hóa truyền thống nhất và có sức hấp dẫn khách du lịch nhất. Trong làng lựa chọn một số người nhanh nhẹn, tháo vát và có mong muốn tham gia phát triển du lịch văn hóa. Sau đó đưa họ đi tham quan trải nghiệm một vài điểm du lịch văn hóa đã phát huy hiệu quả và tập huấn về các kỹ năng cơ bản trong phát triển du lịch cho họ.

Bước thứ hai là sau khi đưa người đi tập huấn về thì tùy theo nguyện vọng và điều kiện gia đình mà họ lựa chọn để tham gia sao cho phù hợp. Các gia đình muốn tham gia phát triển du lịch thì cũng cần có một khoản vốn nhất định từ vốn vật chất như nhà cửa, giường chiếu, chăn đệm, bếp,... điều kiện đón tiếp khách, vốn tài chính để đầu tư, vốn nhân lực để vận hành, vốn xã hội để kết nối và vốn văn hóa để phát triển.

Bước thứ ba là xây dựng sản phẩm du lịch chủ đạo. Đó là dịch vụ ăn nghỉ, trải nghiệm văn hóa cộng đồng tại địa phương, thưởng thức ẩm thực và các nghệ thuật cồng chiêng, âm nhạc... Từ những sản phẩm du lịch chủ đạo thì tìm cách đa dạng hóa sản phẩm du lịch để tăng nguồn thu nhập cho người dân địa phương. Để xây dựng sản phẩm du lịch chủ đạo cần mời các nhà nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu du lịch, các công ty du lịch và các chủ rừng cùng chính quyền địa phương tham gia.

Để gắn du lịch văn hóa với việc bảo vệ, khai thác rừng thì cần phải tạo ra mạng lưới liên kết giữa các bên liên quan trong đó quan trọng nhất là cộng đồng địa phương, chủ rừng, công ty lữ hành và khách du lịch. Cộng đồng là trung tâm nhưng cũng là nhân tố cần nhiều sự giúp đỡ, hỗ trợ từ các nhóm khác; Công ty du lịch luôn giữ vai trò quan trọng bởi họ là cầu nối đưa du khách đến và hướng dẫn du khách sử dụng các sản phẩm du lịch cũng như nắm bắt xu hướng, nhu cầu của du khách; Chủ rừng giữ vai trò vừa tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ người dân phát triển du lịch, vừa hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành để thu hút du khách, vừa phải đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

* Phát triển chuỗi hàng hóa lâm sản phụ

Hiện tại, người dân vẫn vào rừng để khai thác lâm sản phụ. Chủ yếu là lấy mật ong, khai thác hoa lan, lấy măng, lấy nấm... là các đặc sản phổ biến trong rừng. Hiện tại, người dân địa phương sau khi thu nhặt được một ít lâm sản phụ thì đi bán lại cho những thương lái người Kinh đi thu gom. Nhóm này đi thu gom lại của người dân với giá thấp hơn và bán lại cho các cơ sở tiêu thụ với giá cao hơn nhiều. Lợi ích mà họ nhận được nhiều hơn so với công lao mà người dân bỏ ra cả ngày đi vào rừng tìm kiếm. Vậy nên xây dựng một mạng lưới thương mại với chuỗi hàng hóa là lâm sản phụ phổ biến ở địa phương thì người dân sẽ được hưởng lợi nhiều hơn. Chủ rừng thành lập một đại lý để thu mua lâm sản phụ của người dân với giá công khai theo giá trị trường và khấu hao một phần tiền giao dịch mà người dân có thể chấp nhận. Đại lý này sẽ liên kết với các cơ sở tiêu thụ khác để tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm quan trọng. Như vậy, sẽ hình thành một chuỗi hàng hóa mà người dân địa phương là cộng đồng giữ vai trò cung cấp hàng hóa, còn đại lý của chủ rừng giữ vai trò trung gian để kết nối người dân với cơ sở tiêu thụ.

Việc xây dựng chuỗi hàng hóa lâm sản phụ như vậy có nhiều giá trị. Với người dân, họ nắm được thông tin thị trường và có thể bán sản phẩm của mình với giá phù hợp nhất nhằm đảm bảo lợi ích của mình. Việc này cũng khuyến khích người dân đi vào rừng nhiều hơn và kết hợp với công tác bảo vệ rừng trên diện tích rừng mình được khoán. Qua những hoạt động này cũng gắn kết người dân với các chủ rừng thêm phần chặt chẽ hơn.

Với các chủ rừng, thông qua việc thu mua các lâm sản phụ mà người dân đi khai thác được sẽ nắm bắt được các hoạt động của người dân trong rừng một cách rõ ràng hơn. Qua đó cũng phần nào kiểm soát được tình hình khai thác lâm sản phụ trong rừng hàng ngày. Không những vậy, qua việc làm trung gian trong chuỗi hàng hóa lâm sản phụ cũng nắm bắt được các thông tin liên quan đến tiêu thụ các sản phẩm từ rừng để có kế hoạch bảo vệ rừng từ xa, ngăn ngừa các tội phạm lợi dụng tình hình để xâm phạm vào rừng.

Điều quan trọng nhất chính là phải xây dựng các quy định chặt chẽ về việc khai thác lâm sản phụ. “*Khai thác một số lâm sản phụ để kiếm sống là việc quan trọng đối với người dân chúng tôi. Không nên cấm chúng tôi vào rừng lấy một vài lâm sản phụ về để đảm bảo cuộc sống hàng ngày được. Vì cấm thì nhiều người vẫn phải vào kiếm sống vì không có con đường nào khác. Còn cho phép thì đương nhiên chúng tôi thoải mái hơn. Vậy nên tôi cho rằng nếu có thể phối hợp với cán bộ bảo vệ rừng, với chủ rừng để khai thác được cái gì thì bán lại ở đó sẽ tạo lòng tin và giúp cho mọi người hiểu nhau hơn*” (Thảo luận nhóm tại thôn Hà Lâm, ngày 11/11/2022).

4.2. Kiểm tra và đánh giá mô hình

Thứ nhất, đó là đánh giá tác động của mô hình đến đời sống sinh kế và văn hóa của cộng đồng người dân địa phương. Đánh giá tác động của mô hình thí điểm đối với cộng đồng cư dân địa phương là điều quan trọng và cần thiết. Kết quả đánh giá là cơ sở để phát triển hay dừng lại dự án. Khi kết quả đưa ra được nhiều ảnh hưởng tích cực của mô hình đến đời sống người dân thì cần phát triển, nhân rộng ra, thấy nhiều tác động tiêu cực thì cần phải dừng dự án lại để xem xét thay đổi mô hình.

Thứ hai, đánh giá tác động của mô hình đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đây là nội dung quan trọng thứ hai. Những kết quả đánh giá cũng là cơ sở để phát triển, dừng lại hay điều chỉnh mô hình, dự án phát triển. Đánh giá tác động đến công tác bảo vệ và phát triển rừng cần tập trung vào hai nội dung là tác động vào hệ sinh thái rừng, môi trường rừng và tác động vào công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng của các cơ quan liên quan.

Thứ ba, đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình. Đây là những mô hình từ các dự án phát triển nên hiệu quả kinh tế cũng là một điểm cần phải nhấn mạnh. Nếu không đạt hiệu quả kinh tế thì cũng cần phải xem xét lại mô hình bởi nó chưa thỏa mãn mục tiêu đưa ra. Hiệu quả kinh tế cũng phải được nhìn nhận ở cả góc độ trước mắt là tăng thu nhập cho người dân để cải thiện cuộc sống, và cả giá trị phát triển bền vững, lâu dài.

4.3. Tuyên truyền, giáo dục và hỗ trợ người dân tham gia các mô hình phát triển

Sau khi xây dựng mô hình thì cần phải gắn với công tác tuyên truyền về các giá trị của mô hình và công tác giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về việc tham gia bảo vệ rừng gắn với phát triển kinh tế. Trong đó, quan tâm nhiều đến những người có tiếng nói trong cộng đồng như già làng, trưởng bản, trưởng họ, người có uy tín... Điều quan trọng nhất là làm sao để người dân hiểu các mô hình này được xây dựng nên vì họ, phục vụ lợi ích của họ. Qua đó, cũng cho họ thấy các giá trị mà việc bảo vệ rừng mang lại cho chính họ. *“Trước đây, thấy chính quyền thu hồi hết rừng, không cho chặt phá để làm nương rẫy thì dân làng hoang mang lắm. Nhiều gia đình đã phản đối vì làm như vậy thì họ sẽ sống sao đây. Nhưng càng về sau, cùng với việc người dân được giao khoán rừng, được tham gia bảo vệ rừng*

để có thêm thu nhập. Rồi qua dài, báo người dân thấy nhiều nơi phát triển du lịch, phát triển được liệu mạnh mẽ và tạo ra nhiều nguồn thu nhập thì người dân lại tin tưởng hơn vào việc bảo vệ rừng, bảo tồn văn hóa truyền thống” (Thảo luận nhóm tại thôn Hà Lâm, ngày 11/11/2022).

Hỗ trợ người dân tham gia các mô hình, các dự án phát triển cũng là điều quan trọng và cần thiết. Người dân Ba Na ở Sơn Lang chưa tiếp cận nhiều với kinh tế thị trường. Họ chưa biết cách hoạch tính kinh tế nên cần phải hỗ trợ. Các mô hình nói trên đều hướng đến kinh tế thị trường trong khi người dân chưa có những trải nghiệm thị trường thì sẽ gặp nhiều khó khăn. Nên sự hỗ trợ từ chủ rừng, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp, các bên liên quan là nhân tố giúp họ vượt qua khó khăn.

5. Thảo luận

Trong quá trình nghiên cứu và thảo luận, chúng tôi đã đưa ra ba mô hình mang tính gợi mở là phát triển kinh tế được liên kết với bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng; mô hình phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng và mô hình phát triển chuỗi hàng hóa lâm sản phụ gắn với bảo vệ, phát triển rừng dựa vào cộng đồng. Đây thực chất là đưa ra đề gợi mở thêm những con đường nhằm tìm kiếm mô hình và đề án phát triển để thực hiện thí điểm. Còn để đưa nó vào thực tiễn cuộc sống thì vẫn phải tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện thêm.

6. Kết luận

Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế gắn với QLBR trong bối cảnh kinh tế thị trường là vấn đề quan trọng đối với vùng Tây Nguyên. Trong khi các hoạt động sinh kế truyền thống như canh tác nương rẫy, chăn nuôi thả trong rừng đang hạn chế dần thì các mô hình kinh tế mới là con đường cốt lõi để đảm bảo cuộc sống cho người dân. Người Ba Na ở xã Sơn Lang là một ví dụ. Trước đây họ sống chủ yếu bằng canh tác nương rẫy, chăn nuôi và khai thác lâm sản trong rừng. Nhưng từ khi rừng chuyển giao về các cơ quan nhà nước quản lý thì người dân phải thay đổi mô hình kinh tế. Kinh tế hộ nông dân trồng cà phê sau một thời gian có hiệu quả thì đã chứng tỏ khó khăn tiếp cận các nguồn lực thị trường liên quan. Trong bối cảnh đó, các mô hình kinh tế mới sẽ góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống của người dân.

Tài liệu tham khảo

- Bình, H. T. (2011). *Điều tra khảo sát các loài cây cho chất nhuộm ở Lâm Đồng và khả năng ứng dụng của nó trong ngành nhuộm dệt vải thô của đồng bào DTTS bản địa*. Báo cáo Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh. Lâm Đồng.
- Con, T. V. & cộng sự (1999). *Nghiên cứu các*

đặc trưng của hệ canh tác nương rẫy và sự tham gia của cộng đồng dân Bahnar trong sử dụng, quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên ở tỉnh Gia Lai (Trường hợp hai xã Sơn Lang và Sơ Pay, huyện K'Bang). Báo cáo tổng kết đề tài, Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan (VNRP). Hà Nội.

Con, T. V. (2001). *Canh tác nương rẫy và vấn*

- đề tham gia quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên của đồng bào Ba Na ở huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. *Thông tin khoa học kỹ thuật lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, chuyên đề canh tác nương rẫy*, số 3/2001, trang 28-44.
- Cư, L. Đ. (2015). *Nghiên cứu tri thức bản địa trong sử dụng và bảo tồn tài nguyên sinh vật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn bản sắc dân tộc của cộng đồng các DTTS ở khu vực Tây Nguyên*. Đề tài Khoa học và Công nghệ, Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước, KHCN-TN3/11-15, Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên.
- Dũng, L. V. (2013). *Nghiên cứu, tuyển chọn và xây dựng các mô hình trồng một số loại rau rừng có giá trị tại Lâm Đồng*. Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh. Lâm Đồng.
- Dur, N. V. (2015). *Điều tra nghiên cứu các cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc dân tộc tại Tây Nguyên và các biện pháp bảo tồn*. Báo cáo đề tài khoa học TN3/T10 thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên”, Mã số KHCN-TN3/11-15 (Chương trình Tây Nguyên 3).
- Đê, P. V. (2011). *Điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên dược liệu tỉnh Lâm Đồng và định hướng phát triển một số loài đặc hữu và có giá trị kinh tế cao*. Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh. Lâm Đồng.
- Hải, V. Đ., & cộng sự. (2003). *Canh tác nương rẫy và phục hồi rừng sau canh tác nương rẫy ở Việt Nam*. Nghệ An: Nxb. Nghệ An.
- Sâm, Đ. Đ., & cộng sự. (2001). *Điều tra, đánh giá thực trạng canh tác nương rẫy các tỉnh Tây Nguyên. Thông tin khoa học kỹ thuật lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, chuyên đề canh tác nương rẫy*, số 3/2001, tr.3-14.
- Thanh, B. V. & cộng sự. (2020). *Phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và tri thức bản địa khu vực Tây Nguyên*. *Tạp chí Khoa học - Công nghệ và Đổi mới sáng tạo*, số 4, tr.45-48.

PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ GẮN VỚI QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG CHO NGƯỜI BA NA Ở XÃ SƠN LANG, HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI*

Phạm Thị Kim Cương^a
Giang Văn Trọng^b; Trần Thị Thanh Hương^c

^aHọc viện Dân tộc; Email: cuongptk@hvdt.edu.vn

^bĐại học Quốc gia Hà Nội; Email: giangvantrong@gmail.com

^cTrung tâm Nhiệt đới Việt - Nga; Email: thanhhuongfuv@gmail.com

Nhận bài: 06/3/2025; Phản biện: 17/3/2025; Tác giả sửa: 19/3/2025; Duyệt đăng: 25/3/2025; Phát hành: 28/4/2025

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/452>

Phát triển các mô hình kinh tế gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) là vấn đề được quan tâm từ nhiều năm nay, nhất là ở khu vực Tây Nguyên. Nghiên cứu của chúng tôi thực hiện tại cộng đồng người Ba Na ở xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cho thấy việc xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế gắn với QLBVR không chỉ là định hướng của Nhà nước, của chính quyền địa phương, của các cơ quan quản lý rừng, mà còn là nguyện vọng tha thiết của người dân địa phương. Qua khảo sát các mô hình kinh tế liên quan đến rừng hiện có ở xã Sơn Lang, dựa trên việc phân tích các dữ liệu thứ cấp và thảo luận với các bên liên quan từ chính quyền địa phương, cơ quan quản lý rừng, người dân chủ thể. Bài viết này đi vào phân tích các mô hình phát triển kinh tế gắn với rừng qua đó đưa ra một số ý kiến thảo luận nhằm bổ sung, hoàn thiện và phát triển các mô hình kinh tế gắn với QLBVR cho người dân tộc Ba Na đang sinh sống trên địa bàn.

Từ khóa: Kinh tế từ rừng; Phát triển rừng bền vững; Sinh kế bền vững; Dân tộc Ba Na.

*Bài viết là kết quả đề tài cấp Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga: “Nghiên cứu giải pháp quản lý cho phục hồi rừng tự nhiên trên cơ sở tiếp cận cảnh quan tại khu dự trữ sinh quyển cao nguyên Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai” do TS. Trần Thị Thanh Hương chủ nhiệm.